

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Từ ngày: 01/01/2020 đến ngày: 31/12/2020



	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	10	3.708.264.727	7.334.826.256	7.782.947.387	7.334.826.256	7.782.947.387	3.260.143.596
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	2.738.308.426	4.716.164.259	4.777.011.361	4.716.164.259	4.777.011.361	2.677.461.324
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		9.431.932	9.431.932	9.431.932	9.431.932	
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13						
4. Thuế xuất nhập khẩu	14		7.393.746	7.393.746	7.393.746	7.393.746	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	620.398.697	352.063.393	922.136.363	352.063.393	922.136.363	50.325.727
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	451.341.913	866.887.278	710.488.789	866.887.278	710.488.789	607.740.402
7. Thuế tài nguyên	17						
8. Thuế nhà đất	18	(101.784.309)	26.400.452		26.400.452		(75.383.857)
9. Tiền thuê đất	19		1.346.485.196	1.346.485.196	1.346.485.196	1.346.485.196	
10. Các loại thuế khác	20		10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
II. Các khoản phải nộp khác	30						
1. Các khoản phụ thu	31						
2. Các khoản phí, lệ phí	32						
3. Các khoản khác	33						
Tổng cộng	40	3.708.264.727	7.334.826.256	7.782.947.387	7.334.826.256	7.782.947.387	3.260.143.596

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Hoàng Thanh Vương

Ngày *21* tháng *12* năm *2021*
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

[Signature]

